

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2018

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Minh Chiến;

- Ông Trần Châu Phương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo -
Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia
phiên tòa:* Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2018/QĐST-HN ngày 12 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

Bị đơn: Anh Huỳnh Duy T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25 tháng 3 năm 2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Huỳnh Thị Mỹ D trình bày:

Chị D và anh Huỳnh Duy T tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung tại ấp P, xã H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu càn quấy, không quan tâm đến gia đình, vợ con, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng ly thân từ năm 2008 đến nay không hàn gắn được.

Trong thời gian sống chung, vợ chồng chị có một con chung tên Huỳnh Duy T1, sinh ngày 10/3/1998, đã thành niên và tự lao động nuôi sống được bản thân.

Vợ chồng chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Do không còn tình cảm vợ chồng và ly thân đã lâu không hàn gắn được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T. Chị D không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Huỳnh Duy T1 đã thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng tại Bản khai đề ngày 25 tháng 3 năm 2018, bị đơn Huỳnh Duy T trình bày :

Anh T đồng ý ly hôn với chị D vì chị D bỏ đi cách nay 14 năm không gặp lại. Anh và chị D có một con chung tên Huỳnh Duy T1 đã trưởng thành. Anh và chị D không có tài sản chung và không có nợ chung.

Phát biểu quan điểm về vụ án tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

Về tố tụng:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Về nội dung giải quyết: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ;

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Mỹ D đối với anh Huỳnh Duy T.

Về con chung: Có một con chung đã thành niên nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Mỹ D và nội dung tranh chấp cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc: "Ly hôn" được quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Theo xác nhận đề ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Công an xã H, huyện M thì bị đơn Huỳnh Duy T hiện đang đăng ký thường trú và cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản

1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bị đơn Huỳnh Duy T có đơn xin vắng mặt đề ngày 25 tháng 3 năm 2018 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết:

Xét yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Mỹ D đối với anh Huỳnh Duy T, Hội đồng xét xử xét thấy :

Chị D và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H nên hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được nên chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng tại Bản khai đề ngày 25 tháng 3 năm 2018, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị D. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T, cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp.

Chị D và anh T không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Chị D và anh T có một con chung tên Huỳnh Duy T1, sinh ngày 10/3/1998, đã thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập đến.

Chị D và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 24 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét thấy quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 24 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Mỹ D đối với anh Huỳnh Duy T.

Cụ thể tuyên:

Chị Huỳnh Thị Mỹ D được ly hôn với anh Huỳnh Duy T.

Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

Về con chung: Huỳnh Duy T1, sinh ngày 10/3/1998 đã thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: **00013647 ngày 08 tháng 01 năm 2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo Bản án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND h. Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS h. M;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Chí Nhân